

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 179/2024/HS-ST
Ngày 27-12-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Sỹ Trứ.

Thẩm phán: Ông Trương Văn Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Kim Bình.

Ông Nguyễn Quốc Dũng.

Bà Nguyễn Ngọc Xuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Huy Nghĩa - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 27 tháng 12 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 209/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 218/2024/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Kim L, sinh ngày 01/7/1964 tại tỉnh Long An; CMND số 281099583, nơi cư trú: 2 khu phố Đ, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Văn Thị S (đã chết); bị cáo có chồng tên Phan Văn T và 01 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo ra đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam ngày 28/5/2024, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Bùi Thị H, là Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B, có mặt.

- Bị hại:

Bà Ngô Thị Thanh B, sinh 1965, nơi cư trú: số K khu phố C, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, có mặt.

Bà Huỳnh Thị Hải Y, sinh năm 1979, nơi cư trú: số A khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1986, nơi cư trú: số A đường H, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1988, nơi cư trú: số A hẻm B, đường V, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Bà Vũ Thị L1, sinh năm 1981, nơi cư trú: số A đường H, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Ông Nguyễn Quốc C1, sinh năm 1948, nơi cư trú: số B đường C, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, có mặt.

Bà Hoàng Thị M1, sinh năm 1979, nơi cư trú: số A đường P, khu phố A, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phan Ngọc Quang T2, sinh năm 1992, nơi cư trú: số B khu phố H, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2017, Nguyễn Thị Kim L là Giám đốc của Công ty TNHH V, địa chỉ: số B, đường V, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương (viết tắt là Công ty V); ngành nghề kinh doanh là buôn bán củ nghệ, củ gừng, củ riềng và các mặt hàng chế biến từ các loại củ này. Từ tháng 11/2017 đến tháng 3/2020, do cần vốn để kinh doanh nên L nhiều lần huy động vốn, vay tiền của những người quen, cam kết chia lợi nhuận và trả tiền lãi đầy đủ. Sau đó, L bỏ trốn để chiếm đoạt số tiền đã nhận của các bị hại, cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Quốc C1: năm 2016, ông C1 có quan hệ quen biết với L, biết L mua bán gừng tươi nên góp vốn để kinh doanh chia lợi nhuận. Ngày 09/01/2018, L đại diện Công ty V ký với ông C1 hợp đồng hợp tác kinh doanh để cùng mua bán gừng tươi. Từ ngày 27/3/2018 đến ngày 25/5/2019, ông C1 nhiều lần giao tiền cho L tổng cộng 1.110.000.000 đồng. Từ năm 2018 đến tháng 7/2019, L chia lợi nhuận cho ông C1 264.000.000 đồng, việc giao nhận tiền không lập giấy tờ thể hiện. Tháng 3/2020, L bỏ trốn chiếm đoạt của ông C1 1.110.000.000 đồng. Hiện ông C1 yêu cầu L bồi thường 500.000.000 đồng.

- Bà Hoàng Thị M1: từ ngày 02/4/2019 đến ngày 18/10/2019, bà M1 cho L vay vốn để kinh doanh nông sản tổng cộng 800.000.000 đồng. Đến ngày 18/10/2019, hai bên thống nhất chuyển số tiền vay thành góp vốn nên L đại diện Công ty V ký với bà M1 hợp đồng góp vốn hợp tác kinh doanh. Từ tháng 11/2019 đến tháng 12/2019, L chia lợi nhuận cho bà M1 155.000.000 đồng. L bỏ trốn để chiếm đoạt của bà M1 800.000.000 đồng, bà M1 yêu cầu L bồi thường số tiền chiếm đoạt 800.000.000 đồng.

- Bà Ngô Thị Thanh B: từ ngày 30/11/2019 đến ngày 17/02/2020, bà B bảy lần góp vốn cho L kinh doanh nông sản tổng cộng 825.000.000 đồng. Từ ngày 10/02/2020 đến ngày 01/3/2020, L chia lợi nhuận cho bà B 44.500.000 đồng. L bỏ trốn để chiếm đoạt của bà B 825.000.000 đồng, bà B yêu cầu L bồi thường 825.000.000 đồng.

- Bà Vũ Thị L1: từ ngày 28/11/2017 đến ngày 05/3/2020, L tám lần vay tiền của bà L1 để kinh doanh nông sản, tổng cộng 1.315.000.000 đồng, L chia lợi nhuận cho bà L1 30.000.000 đồng. Ngày 09/3/2020, L bỏ trốn để chiếm đoạt của bà L1 1.315.000.000 đồng. Ngoài ra, bà L1 khai khoảng cuối năm 2019 cho L vay 400.000.000 đồng nhưng không có tài liệu thể hiện. Hiện bà L1 yêu cầu L bồi thường 1.285.000.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị M: ngày 27/6/2019, bà M cho L vay 100.000.000 đồng để kinh doanh nông sản. Sau đó, L chia lợi nhuận cho bà M 10.000.000 đồng, bỏ trốn để chiếm đoạt của bà M 100.000.000 đồng. Hiện bà M yêu cầu L bồi thường 90.000.000 đồng.

- Bà Huỳnh Thị Hải Y: từ ngày 26/4/2018 đến ngày 22/8/2019, bà Y chín lần cho L vay tiền để kinh doanh tổng cộng 510.000.000 đồng. Bà Y được L chia tiền lợi nhuận 50.000.000 đồng. Sau đó, L bỏ trốn để chiếm đoạt của bà Y 510.000.000 đồng. Ngoài ra, bà Y khai khoảng tháng 02/2019 cho L vay 260.000.000 đồng nhưng không có tài liệu thể hiện. Hiện bà Y yêu cầu L bồi thường 460.000.000 đồng.

- Ông Nguyễn Văn T1: ngày 25/10/2019, L vay của ông T1 350.000.000 đồng để kinh doanh nông sản. Sau đó, L trả cho ông T1 170.000.000 đồng và bỏ trốn chiếm đoạt 180.000.000 đồng. Hiện ông T1 yêu cầu L bồi thường 180.000.000 đồng.

Tổng số tiền Nguyễn Thị Kim L vay, nhận góp vốn của 07 người bị hại là 5.010.000.000 đồng, L chỉ trả cho ông T1 170.000.000 đồng, còn nợ 4.840.000.000 đồng, L hẹn đến ngày 09/3/2020 sẽ trả tiền cho các bị hại. Tuy nhiên, khoảng 03 giờ ngày 09/3/2020, L dọn đồ đạc cá nhân và bỏ trốn, thay đổi số điện thoại và sinh sống ở nhiều nơi khác nhau để chiếm đoạt tiền của các bị hại 4.840.000.000 đồng. Ngày 28/5/2024, L biết thông tin bị truy nã nên đến đầu thú tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B.

Theo các Kết luận giám định số 333 ngày 15/9/2020 và số 4246 ngày 09/9/2024 của Phòng K Công an tỉnh B xác định: chữ ký, chữ viết tên Nguyễn Thị Kim L trên các giấy vay tiền, hợp đồng hợp tác vốn mua củ gừng tươi kinh doanh, hợp đồng hợp tác sản xuất kinh doanh gừng, giấy góp tiền mua gừng tươi... với các bị hại là do Nguyễn Thị Kim L ký ra.

Cáo trạng số: 234/CT-VKSBD.P2 ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định truy tố Nguyễn Thị Kim L về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và xác định: bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động người thân bồi thường một phần thiệt hại; các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Kiểm sát viên đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 175; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức án từ 13 năm đến 14 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại số tiền đã chiếm đoạt theo sự thỏa thuận của bị cáo và các bị hại tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội giống nội dung Viện Kiểm sát truy tố, xin giảm nhẹ hình phạt, lời nói sau cùng: bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, bị cáo xin lỗi bị hại, xin được hưởng mức hình phạt thấp nhất để có điều kiện làm lại cuộc đời.

Người bào chữa cho bị cáo bày lời bào chữa: người bào chữa thống nhất về tội danh, khung hình phạt, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo, tuy nhiên mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị là còn cao, trong vụ án này bị cáo phạm tội còn có tình tiết giảm nhẹ là do hoàn cảnh đặc biệt khó

khẩn mà không phải do bị cáo gây ra, bị cáo là người cao tuổi đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm g, o khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, quyết định mức hình phạt thấp hơn khung hình phạt bị truy tố.

Tại phiên tòa bị cáo và các bị hại thống nhất thỏa thuận, bị cáo bồi thường cho ông Nguyễn Quốc C1 số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), bà Hoàng Thị M1 số tiền 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng), bà Ngô Thị Thanh B số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng), bà Vũ Thị L1 số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), bà Nguyễn Thị M số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) và ông Nguyễn Văn T1 số tiền 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng), bị cáo đồng ý bồi thường cho bà Huỳnh Thị Hải Y số tiền 460.000.000 đồng (bốn trăm sáu mươi triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Kim L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tình tiết như nội dung Cáo trạng đã truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm quá trình thực hiện hành vi phạm tội và tài sản chiếm đoạt.

Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: trong khoảng thời gian tháng 11/2017 đến tháng 3/2020 tại phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương, bị cáo Nguyễn Thị Kim L thực hiện hành vi nhận tài sản của các bị hại thông qua việc vay tiền, nhận góp vốn của ông Nguyễn Quốc C1 số tiền 1.110.000.000 đồng, bà Hoàng Thị M1 số tiền 800.000.000 đồng, bà Ngô Thị Thanh B số tiền 825.000.000 đồng, bà Vũ Thị L1 số tiền 1.315.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị M số tiền 100.000.000 đồng, bà Huỳnh Thị Hải Y số tiền 510.000.000 đồng và ông Nguyễn Văn T1 số tiền 180.000.000 đồng, tổng cộng 4.840.000.000 đồng để mua bán gừng tươi đến ngày 09/3/2020 thì bỏ trốn để chiếm đoạt của các bị hại.

Hành vi của bị cáo đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, mức đề nghị hình phạt của Kiểm sát viên đối với bị cáo là phù hợp với hành vi bị cáo đã thực hiện.

Lời trình bày của người bào chữa đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm g, o khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, quyết định mức hình phạt thấp hơn khung hình phạt bị truy tố là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất lòng tin và nghi kỵ lẫn nhau trong cộng đồng dân cư, gây mất trật tự trị an và tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi nhận tài sản của người khác thông qua hợp đồng, giao dịch nhưng khi giữ được tài sản của họ thì bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản của họ là vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị xử lý nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi và muốn có tiền tiêu xài nên đã cố ý phạm tội, do đó cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả phạm tội đã thực hiện có xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú, đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, đã bồi thường một phần thiệt hại; các bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa bị cáo và các bị hại thống nhất thỏa thuận về việc bồi thường, việc thỏa thuận này là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với số tiền 10.000.000 đồng mà ông Phan Ngọc Quang T2 (con của Nguyễn Thị Kim L) để khắc phục hậu quả cho bị hại, nên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Ông T2 không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả nên không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo là người cao tuổi nên không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 298, 299, 326, 327, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kim L phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

1. Về hình phạt: áp dụng khoản 4 Điều 175; Điều 38; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim L 14 (mười bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/5/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Kim L phải bồi thường cho ông Nguyễn Quốc C1 số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), bồi thường cho bà Hoàng Thị M1 số tiền 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng), bồi thường cho bà Ngô Thị Thanh B số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng), bồi thường cho bà Vũ Thị L1 số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), bồi thường cho bà Nguyễn Thị M số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng), bồi thường cho bà Huỳnh Thị Hải Y số tiền 460.000.000 đồng (bốn trăm sáu mươi triệu đồng) và bồi thường cho ông Nguyễn Văn T1 số tiền 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án (theo ủy nhiệm chi ngày 31/10/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương).

3. Án phí sơ thẩm:

Bị cáo Nguyễn Thị Kim L là người cao tuổi nên không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT 1);
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng PC01 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV06 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo;
- Bị hại (7);
- Người bào chữa (1);
- Người tham gia tố tụng khác (1);
- Trại Tạm giam Công an tỉnh Bình Dương;
- Tổ Hành chính tư pháp (2);
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án (3);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, HTV 120.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Sỹ Trứ